

Soạn bài Ôn tập văn nghị luận - Ngữ văn lớp 7

Hướng dẫn trả lời các câu hỏi ôn tập trang 66 SGK.

Câu 1. Đọc lại các bài văn nghị luận đã học (Bài 20, 21, 23, 24) và điền vào bảng kê theo mẫu dưới đây:

Trả lời:

TT	Tên bài	Tác giả	Đề tài nghị luận	Luận điểm chính	Phương pháp lập luận
1	Tinh thần yêu nước của nhân dân ta	Hồ Chí Minh	Tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam	Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của dân tộc ta.	Chứng minh
2	Sự giàu đẹp của tiếng Việt	Đặng Thai Mai	Sự giàu đẹp của tiếng Việt	Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay.	Chứng minh (kết hợp với giải thích)
3	Đức tính giản dị của Bác Hồ	Phạm Văn Đồng	Đức tính giản dị của Bác Hồ	ở mọi phương diện, Bác Hồ đều giản dị. Sự giản dị hoà hợp với đời sống tinh thần phong phú, với tư tưởng và tình cảm cao đẹp.	Chứng minh (kết hợp với giải thích, bình luận)
4	ý nghĩa văn chương	Hoài Thanh	Nguồn gốc, nhiệm vụ, công dụng của văn chương trong lịch sử nhân loại	Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là tình cảm, là lòng vị tha; văn chương là hình ảnh của sự sống đa dạng; văn chương sáng tạo ra sự sống, gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm sẵn có; cho nên: không thể thiếu văn chương trong đời sống tinh thần của nhân loại.	Giải thích (kết hợp với bình luận)

Câu 2. Nêu tóm tắt những nét đặc sắc nghệ thuật của mỗi bài nghị luận đã học.

Trả lời:

Những nét đặc sắc về nghệ thuật của mỗi bài văn nghị luận đã học:

(1) *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.*

- Bố cục chặt chẽ.

Soạn bài Ôn tập văn nghị luận - Ngữ văn lớp 7

- Dẫn chứng chọn lọc, toàn diện.

- Sắp xếp hợp lí.

- Hình ảnh so sánh đặc sắc.

(2) Sự giàu đẹp của tiếng Việt

- Bố cục mạch lạc

- Kết hợp giải thích với chứng minh.

- Luận cứ xác đáng, toàn diện, chặt chẽ.

(3) Đức tính giản dị của Bác Hồ

- Dẫn chứng cụ thể, xác thực, toàn diện.

- Kết hợp chứng minh với giải thích và bình luận.

- Lời văn giản dị mà giàu cảm xúc.

(4) Ý nghĩa văn chương

- Trình bày những vấn đề phức tạp một cách ngắn gọn giản dị, sáng sủa.

- Kết hợp với cảm xúc, văn giàu hình ảnh.

Câu 3.

a) Trong Chương trình Ngữ văn lớp 6 và học kì I lớp 7, em đã học nhiều bài thuộc các thể truyện, kí (loại hình tự sự) và thơ trữ tình, tùy bút (loại hình trữ tình). Bảng kê dưới đây liệt kê các yếu tố có trong các văn bản tự sự, trữ tình và nghị luận. Căn cứ vào hiểu biết của mình, em hãy chọn trong cột bên phải những yếu tố có trong mỗi thể loại ở cột bên trái, rồi ghi vào vở.

b) Dựa vào sự tìm hiểu ở trên, em hãy phân biệt sự khác nhau căn bản giữa văn nghị luận và các thể loại tự sự, trữ tình.

c) Những câu tục ngữ trong Bài 18, 19 có thể coi là loại văn bản nghị luận đặc biệt không? Vì sao?

Trả lời:

Soạn bài Ôn tập văn nghị luận - Ngữ văn lớp 7

a) Chọn và ghi:

Thể loại	Yếu tố
Truyện	Cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện.
Kí	Người kể chuyện, nhân vật.
Thơ tự sự	Cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện.
Thơ trữ tình	Nhân vật, vần, nhịp.
Tùy bút	Nhân vật, người kể chuyện, vần, nhịp.
Nghị luận	Luận điểm, luận cứ.

b) Các thể loại tự sự như truyện, kí, thơ tự sự chủ yếu dùng phương thức miêu tả và kể nhằm tái hiện sự vật, hiện tượng, con người, câu chuyện.

- Các thể loại trữ tình, tùy bút chủ yếu dùng phương thức biểu cảm để biểu hiện tình cảm, cảm xúc qua các hình ảnh, nhịp điệu, vần điệu. Chúng đều tập trung xây dựng các hình tượng nghệ thuật với nhiều dạng thức khác nhau như nhân vật, hình tượng thiên nhiên, đồ vật...

- Khác với thể loại tự sự và trữ tình, văn nghị luận dùng phương thức lập luận, bằng lí lẽ dẫn chứng để trình bày ý kiến tư tưởng nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về mặt nhận thức. Văn nghị luận cũng có hình ảnh cảm xúc nhưng điều cốt yếu là lập luận với các hệ thống luận điểm, luận cứ chặt chẽ, xác đáng.

c) Các câu tục ngữ trong Bài 18, 19 là văn bản nghị luận đặc biệt. Căn cứ vào đặc trưng của từng loại văn để nhận diện đặc điểm của các câu tục ngữ về phương thức biểu đạt. Nếu cho rằng các câu tục ngữ này là một loại văn bản nghị luận thì phải chứng minh được rằng chúng mang những đặc điểm cơ bản của văn nghị luận.